

Số: 145 /BC-BQLRTG

Ninh Phước, ngày 22 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng); tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016-2021 tại Ban quản lý rừng PHĐN hồ Tân Giang

Thực hiện Văn bản số 72/HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc báo cáo giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016 - 2021; Kế hoạch số 02/KH-ĐGS ngày 29/3/2022 của Đoàn Giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng), tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn tỉnh”; Văn bản số 994/UBND-TH ngày 25/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam về việc khẩn trương báo cáo kết quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021;

Thực hiện Thông báo số 170/TB-SNNPTNT ngày 23/3/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận về việc thông báo kết luận của Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Trần Ngọc Hiếu tại cuộc họp giao ban khối lâm nghiệp ngày 22/3/2022.

Ban Quản lý rừng PHĐN hồ Tân Giang báo cáo kết quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021 với nội dung cụ thể như sau:

I. Khái quát đặc điểm tình hình

Ban quản lý rừng PHĐN hồ Tân Giang được thành lập năm 1996 theo Quyết định số 652/CT ngày 8/3/1996 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc tổ chức lại Ban Quản lý rừng Phước Hà thành Ban quản lý rừng PHĐN hồ Tân Giang, trực thuộc Sở Nông Lâm (nay là Sở Nông nghiệp và PTNT). Nhiệm vụ chính của đơn vị là quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững trên diện tích rừng và đất lâm nghiệp được giao. Tổng diện tích rừng tự nhiên và đất lâm nghiệp hiện nay do Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn hồ Tân Giang quản lý là 25.012,74 ha, trong đó: Rừng và đất rừng phòng hộ đầu nguồn: 23.071,38 ha; Rừng và đất rừng sản xuất: 1.941,36 ha, gồm 25 tiểu khu thuộc địa giới hành chính 05 xã: Phước Hà, Nhị Hà của huyện Thuận Nam; Phước Vinh, Phước Hữu, Phước Thái của huyện Ninh Phước.

Biên chế giao đơn vị năm 2022 là 31 biên chế, bố trí 20 viên chức bảo vệ rừng chuyên trách về 03 Trạm QLBVR trực thuộc, 10 biên chế văn phòng gồm Ban lãnh đạo và 03 Phòng chuyên môn nghiệp vụ (dự kiến sát nhập thành 01 phòng), Ban lãnh đạo 02 đồng chí, phòng chuyên môn có 02 đ/c Phó trưởng phòng, Trạm QLBVR có 03 đ/c Phụ trách Trạm. Phân theo trình độ chuyên môn: Trình độ đại học 10 người; Đã có bằng Đại học và đang đề nghị cấp thẩm quyền tạo điều kiện xét chuyển ngạch: 14 người; Trình độ Trung cấp: 01 người. Công nhân kỹ thuật: 02 người. Tổng số Đảng viên: 16 người. Trong đó: 14 đồng chí Đảng viên chính thức và 02 đồng chí Đảng viên dự bị. Phân theo trình độ lý luận chính trị: Có bằng Trung cấp LLCT: 05 người. Có bằng Sơ cấp LLCT: 08 người. Chưa có bằng LLCT: 14 người (Đang theo học TC LLCT: 06 người).

Cán bộ, viên chức trong đơn vị đều nắm cơ bản về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của ngành về quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng và sử dụng rừng. Có kiến thức nghiệp vụ cơ bản về bảo vệ rừng, theo dõi diễn biến rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, du lịch sinh thái, kỹ thuật lâm sinh; sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị chuyên dụng trong công tác quản lý bảo vệ rừng. Có khả năng tổng hợp, báo cáo các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và khả năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc theo nhóm, ứng dụng khoa học công nghệ để thực hiện nhiệm vụ.

Cơ sở vật chất của đơn vị có 03 Trạm QLBVR đóng tại địa bàn các xã, 03 Chốt Bảo vệ rừng đóng sâu trong rừng. Trụ sở cơ quan đóng tại thôn Hậu Sanh, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước. Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy rừng, trang phục ngành, công cụ hỗ trợ, cơ sở vật chất qua từng năm được Nhà nước đầu tư, trang bị cơ bản để thực hiện nhiệm vụ.

Đặc điểm lâm phần của Ban Quản lý rừng PHĐN hồ Tân Giang quản lý Phía Đông giáp: xã Phước Hữu và Phước Minh; Phía Tây giáp: huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận; Phía Nam giáp: huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; Phía Bắc giáp: huyện Ninh Sơn - tỉnh Ninh Thuận, có chiều dài đường ranh giới rừng là 238,7 km, có địa hình và độ chia cắt lớn, độ dốc cao, giao thông đi lại khó khăn, nhiều cửa ngõ ra vào rừng. Giáp ranh với các vùng sản xuất nông nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân các xã quản lý, trong lâm phần có các dự án đường cao tốc Bắc Nam, đường điện 220 kv, đường điện 500 kv đi qua, ngoài ra còn giáp ranh các dự án điện năng lượng mặt trời. Lâm phần giao quản lý có các khu cách mạng CK7, chiến khu Anh Dũng xã Phước Hà, người dân bản địa Rắc lây và người Chăm sinh sống, canh tác, sản xuất, chăn nuôi xen kẽ, gắn bó trong diện tích quy hoạch rừng từ lâu đời.

Trong lâm phần có 3 hồ chứa thủy lợi lớn là hồ Tân Giang, hồ Sông Biêu và hồ Lanh Ra với vai trò rất quan trọng trong điều tiết nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi trên địa bàn. Rừng đầu nguồn đơn vị quản lý có vai trò quan trọng trong việc giữ nước cung cấp cho các hồ thuỷ lợi, nơi bảo tồn đa

dạng sinh học và sinh cảnh sống cho các loài động thực vật đặc trưng phía Nam của tỉnh Ninh Thuận.

Tiếp nối những kết quả đã đạt được của giai đoạn 2011-2015, trong giai đoạn 2016-2021, tiếp nhận nguồn lực đầu tư của Nhà nước trong lĩnh vực lâm nghiệp, đơn vị tập trung quyết liệt cho công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng, bên cạnh đó cùng chính quyền địa phương chăm lo, tạo sinh kế cho người dân sống trong rừng, ven rừng, các hộ nghèo, cận nghèo từ các chương trình trồng rừng, giao khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng, cấp cây trồng phân tán. Đơn vị chủ động phối hợp chặt chẽ cùng chính quyền địa phương, lực lượng kiểm lâm, các chủ rừng giáp ranh trong thực thi nhiệm vụ quản lý bảo vệ và phát triển rừng. Kết quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng, tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016-2021, đạt được như sau:

II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng); tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn tỉnh

1. Công tác tham mưu, ban hành các văn bản triển khai thực hiện

Xác định nhiệm vụ bảo vệ rừng, phát triển rừng và đất lâm nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt, ngay từ đầu năm đơn vị đã triển khai xây dựng chương trình hành động của đơn vị, các đồng chí Lãnh đạo đơn vị, Trưởng các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ đều xây dựng chương trình hành động cá nhân trong đó tập trung trong công tác quản lý bảo vệ rừng tận gốc; chủ động xây dựng và gửi kế hoạch phối kết hợp tuần tra truy quét các điểm nóng trong lâm phần và vùng giáp ranh; xây dựng văn bản gửi UBND các xã phối hợp tuyên truyền cho nhân dân các quy định về Phòng cháy chữa cháy rừng, quy định về đốt dọn nương rẫy cũ trong mùa khô nhằm giảm thiểu tình trạng cháy rừng, phá rừng xảy ra trong lâm phần đơn vị.

Các văn bản ban hành: Kế hoạch số 28/KH-BQLRTG ngày 24/01/2018 về việc triển khai Kế hoạch cao điểm phòng cháy, chữa cháy và truy quét chống phá rừng trước, trong và sau tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018; công văn số 42/CV-BQLRTG ngày 22/02/2018 về việc triển khai quản lý nương rẫy, ngăn chặn phá rừng làm rẫy, lấn chiếm đất rừng trái phép theo văn bản số 998 của Chi cục Kiểm lâm; công văn số 44/CV-BQLRTG ngày 22/02/2018 về việc quản lý nương rẫy, ngăn chặn phá rừng làm rẫy, lấn chiếm đất rừng trái phép; Thông báo số 45/TB-BQLRTG ngày 23/02/2018 về việc thực hiện các biện pháp phòng cháy chữa cháy rừng; Kế hoạch số 46/KH-BQLRTG ngày 23/02/2018 về việc truy quét cao điểm vùng giáp ranh; Kế hoạch số 242/KH-BQLRTG ngày 01/9/2020 về việc tuần tra, truy quét chống phá rừng cao điểm trước, trong và sau lễ 02/9/2020; Kế hoạch số 335/KH-BQLRTG ngày 30/11/2020 về việc tuần tra, truy quét chống phá rừng và PCCCR tháng 12 kết hợp nghiệm thu quý IV/2020; Công văn số 327/BQLRTG ngày 28/10/2021 về việc tuần tra, kiểm tra

kiên quyết không cho tác động vào rừng, đất rừng khi chưa có quyết định thu hồi, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cấp có thẩm quyền.

Tiếp thu tinh thần Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Nghị quyết 71/NQ-CP 2017 ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ; Kế hoạch số 65- KH/TU, ngày 10/5/2017 của Ban Thường vụ tỉnh ủy; Các Nghị quyết chuyên đề của Đảng bộ Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, của Ban thường vụ huyện ủy Thuận Nam, Ban Thường vụ huyện ủy Ninh Phước về thực hiện chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư Trung ương đảng, Chi bộ BQLR PHĐN hồ Tân Giang xác định nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách và thường xuyên, liên tục và đã tổ chức quán triệt cho các đồng chí Đảng viên thuộc Chi bộ tập trung, phân tích đưa vào Nghị quyết Chi bộ và cụ thể hóa thành Kế hoạch hành động, phân công cụ thể cho từng cán bộ Đảng viên tổ chức triển khai thực hiện.

Theo đó Chi bộ Ban Quản lý rừng PHĐN hồ Tân Giang đã ban hành Nghị Quyết chuyên đề số 30-NQ/CBBQLRTG ngày 06/10/2017 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư Trung ương đảng về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng” và ban hành Kế hoạch số 32/KH- CBBQLRTG ngày 17/11/2017“Kế hoạch của Chi bộ Ban Quản lý rừng PHĐN hồ Tân Giang để triển khai thực hiện Nghị Quyết chuyên đề số 30-NQ/CBBQLRTG ngày 06/10/2017 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư Trung ương đảng về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng”. Đồng thời Chi bộ Ban Quản lý rừng cũng đã phối hợp với Đảng ủy-UBND xã Phước Hà xây dựng và ký kết Quy chế phối hợp số 36/QCPH-CBBQLRTG-ĐU-UBNDXPH ngày 08/12/2017 về “tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư Trung ương đảng về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng” giữa Chi bộ Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn hồ Tân Giang và Đảng ủy, UBND xã Phước Hà”.

Đối với chính quyền, Ban lãnh đạo BQLR PHĐN hồ Tân Giang cũng đã giao nhiệm vụ cụ thể cho từng phòng chuyên môn nghiệp vụ, từng Trạm quản lý bảo vệ rừng trên cơ sở bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và tình hình thực tế để lập Kế hoạch và xây dựng các phương án tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ bảo vệ rừng, trồng rừng và phát triển rừng.

Hằng năm có đánh giá, đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho những năm tiếp theo; đồng thời tổ chức xem xét vai trò trách nhiệm trong việc triển khai nhiệm vụ, xây dựng các tiêu chí thi đua, khen thưởng trong công tác quản lý bảo vệ rừng, trồng rừng và phát triển rừng nhằm khích lệ, động viên kịp thời các đồng chí hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Công tác tuyên truyền

Thực hiện Phương án truy quét chống phá rừng được cấp thẩm quyền phê duyệt hằng năm, đơn vị đã phối hợp với UBND các xã Nhị Hà, Phước Hà trong lâm phần tổ chức nhiều đợt, nhiều điểm tuyên truyền về pháp luật bảo vệ và phát triển rừng. Nội dung tuyên truyền chủ trọng triển khai, phổ biến những quy định mới trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng, nêu cao tầm quan trọng và ý nghĩa của rừng đối với cuộc sống con người, hướng dẫn người dân đốt đọn nương rẫy theo đúng thời điểm, đúng kỹ thuật, hướng dẫn người dân làm quen với việc chữa cháy rừng khi có cháy xảy ra. Hình thức tuyên truyền phong phú, phù hợp với từng đối tượng như họp dân, hoặc lồng ghép vừa tuyên truyền cho người dân vừa vận động, nhắc nhở các hộ ký cam kết không vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Kết quả trong giai đoạn 2016-2021 đã tổ chức truyền truyền được 80 đợt với 4.288 lượt người tham gia. Vận động nhắc nhở ký cam kết được 2.745 hộ.

Qua tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đã góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cộng đồng, người dân trong công tác bảo vệ và phát triển rừng; những đợt tuyên truyền ban đầu, đa số người dân còn chưa hiểu, chưa phối hợp tích cực, tuy nhiên qua những đợt sau, họ đã hiểu và tham gia đầy đủ, đã tích cực tham gia cùng với đơn vị trong công tác chữa cháy rừng, trồng rừng trên đất rẫy, cung cấp thông tin về địa điểm tập kết gỗ, đường đi, phương thức vận chuyển của các đối tượng khai thác gỗ trái phép...nhờ có sự giúp sức của người dân nhiều vụ vận chuyển lâm sản đã được đơn vị phát hiện, triệt phá, từ đó hạn chế đáng kể tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép.

III. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng), tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2012 – 2021 trên địa bàn tỉnh

1. Công tác quản lý rừng, bảo vệ rừng:

a) Công tác quản lý rừng:

Trên cơ sở diện tích rừng và đất lâm nghiệp đơn vị được giao quản lý theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc phê duyệt kết quả quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2025 và Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 16/7/2019, về bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc phê duyệt kết quả quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025, Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2025. Thể hiện bằng bản đồ giấy và bản đồ số hoá, sử dụng phần mềm Mapinfo chuyên dùng cho ngành lâm nghiệp. Đơn vị triển khai quản lý, phân giao khu vực tiểu khu theo từng Trạm quản lý, phân tiểu khu trưởng để quản lý, tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn các hành vi phá rừng theo từng tiểu khu rừng. Công tác

quản lý lâm phần được thực hiện trên thực tế và trên bản đồ, cập nhật diễn biến lên hệ thống bản đồ quản lý.

- Công tác cắm mốc 03 loại rừng:

Thực hiện Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật cắm mốc ranh giới diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn hồ Tân Giang. Trong năm 2019, lâm phần đơn vị đã hoàn thành việc cắm mốc ranh giới rừng và đất lâm nghiệp với tổng số mốc ranh giới đã được nghiệm thu, thanh toán với số lượng 180 mốc cấp I.

Qua việc cắm mốc đã xác định rõ ranh giới đất lâm nghiệp của Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn hồ Tân Giang trên bản đồ và ngoài hiện trường nhằm quản lý bảo vệ rừng, ngăn ngừa và xử lý những trường hợp lấn chiếm, tranh chấp quyền sử dụng đất, sử dụng rừng và vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng có hiệu quả, đúng quy định của Pháp luật. Làm cơ sở kiểm kê, thống kê và theo dõi diện tích rừng và đất lâm nghiệp hàng năm; Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phục vụ quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp của Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn hồ Tân Giang.

- Giao đất, cấp GCN QSDĐ:

Tính đến thời điểm cuối năm 2013, tổng diện tích đơn vị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 244.934.176 m² (tương đương 24.493,4 ha), đạt tỷ lệ 94,2 %. (Số diện tích chưa cấp số 1.542,2 ha thời điểm năm 2013 chủ yếu là rừng sản xuất, thuộc vùng tưới của hồ Sông Biêu và nằm trong phạm vi rà soát điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025).

Diện tích cấp sổ phân theo loại rừng:

- Rừng phòng hộ: 214.525.406 m² (tương đương 21.452,5 ha).

Sử dụng lâu dài. Mục đích sử dụng đất: đất rừng phòng hộ.

- Rừng sản xuất: 30.408.770 m² (tương đương 3.040,9 ha).

Sử dụng đến tháng 12 năm 2060. Mục đích sử dụng đất: Đất rừng sản xuất.

Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất

Bảng 01. Diện tích cấp sổ phân theo loại rừng tại BQLRPHĐN hồ Tân Giang

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Số thửa	Thuộc Tờ bản đồ	Đất rừng phòng hộ (m ²)	Đất rừng sản xuất (m ²)	Ngày cấp	Thời hạn sử dụng		Nguồn gốc sử dụng
								Đất rừng PH	Đất rừng SX	
1	xã Phước Hà	158.262.038	647	1,2,3,5,6,7,8	147.715.605	10.546.433	16/12/2013	Lâu dài	tháng 12/2060	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
2	xã Nhị Hà	9.636.444	32	02	8.427.580	1.208.864	24/01/2014	Lâu dài	tháng 12/2061	
3	xã Phước Hữu	4.991.577	17	01	3.494.583	1.496.994	28/10/2013	Lâu dài	tháng 12/2060	
4	xã Phước Thái	68.032.487	195	1,2,3,4	53.149.383	14.883.104	17/01/2014	Lâu dài	ngày 5/11/2058	
5	xã Phước Vinh	4.011.630	17	01	1.738.255	2.273.375	30/12/2013	Lâu dài	ngày 5/11/2058	
Tổng		244.934.176	908		214.525.406	30.408.770				

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đơn vị Ban Quản lý rừng PHĐN hồ Tân Giang được thực hiện từ năm 2013 với diện tích cấp sổ 244.934.176 m² (tương đương 24.493,4 ha) trước thời điểm Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch 3 loại rừng. Do đó trong giai đoạn 2021-2030 đơn vị kiến nghị cơ quan chức năng rà soát, cấp đổi sổ hoặc cấp mới cho đơn vị để đảm bảo thống nhất diện tích đất quản lý giữa Quy hoạch 3 loại rừng giai đoạn 2016-2025 và Quy hoạch sử dụng đất 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất 5 năm đầu kỳ nhằm đảm bảo sự thống nhất giữa công tác quản lý tài nguyên rừng và đất rừng.

- Công tác quản lý nương rẫy:

Năm 2019, thực hiện văn bản số 2524/SNNPTNT-KH ngày 19/9/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sử dụng bộ hồ sơ quản lý nương rẫy xen kẽ trong quy hoạch 3 loại rừng, Ban quản lý rừng PHĐN hồ Tân Giang đã tổ chức triển khai thí điểm bộ hồ sơ quản lý nương rẫy xen kẽ trong quy hoạch 3 loại rừng tại tiểu khu 179 xã Phước Thái, huyện Ninh Phước và tiểu khu 189 xã Phước Hà huyện Thuận Nam. Tổng kiểm kê được 33,83 ha/26 hộ.

Năm 2020 đơn vị tiếp tục chỉ đạo Trạm Quản lý bảo vệ rừng vừa tuần tra truy quét, vừa kết hợp tiếp tục thu thập thông tin nương rẫy (bấm các điểm tọa độ) để quản lý và phục vụ việc điều tra nương rẫy trong lâm phần. Qua theo dõi thống kê có khoảng 373 ha/172 hộ có canh tác nương rẫy trong lâm phần.

Năm 2021 tiếp tục kiểm kê bổ sung được 44,2 ha/38 hộ.

Quá trình thực hiện, tổ công tác đã tuyên truyền chính sách, pháp luật của nhà nước về lâm nghiệp, vận động các hộ dân ký bản cam kết không cơi nới, phá rừng làm rẫy. Thu thập các thông tin về sản xuất nương rẫy của hộ dân để bổ sung vào hồ sơ quản lý nương rẫy theo chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT. Đây là cơ sở dữ liệu để triển khai điều tra kiểm kê nương rẫy trong lâm phần đơn vị quản lý theo Đề án quản lý nương rẫy đang được ngành triển khai trong năm 2022.

Việc điều tra thông tin nương rẫy xen kẽ trong quy hoạch 3 loại rừng tại đơn vị có một số khó khăn như sau: Do diện tích rẫy nhiều và công việc điều tra nương rẫy phải đi thực địa nên cần phải có thời gian và kinh phí để chi phí đi rừng, đo vẽ ranh giới, diện tích, làm mốc, sơn đánh dấu phần ngoại nghiệp. Không có cán bộ thôn đi cùng với tổ công tác nên việc xác định tên chủ rẫy, tuyên truyền chính sách pháp luật và thu thập thông tin nương rẫy gặp rất nhiều khó khăn.

Thời điểm triển khai xác định nương rẫy thường vào mùa nắng bà con ít ở tại rẫy, đa số là rẫy cũ cây điều đã lớn, tới mùa họ chỉ lên phát dọn, thu hoạch 1

lần xong rồi bỏ đi. Nên khi điều tra chỉ lấy được thông tin của những hộ có mặt. Còn những hộ không có mặt đa phần đi làm ăn ở xa không có ở địa phương.

Ban quản lý rừng PHĐN hồ Tân Giang quản lý rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn 05 xã, 02 huyện. Đây là vùng truyền thống căn cứ địa cách mạng vừa sản xuất vừa chiến đấu của người Raglai và người Chăm (chủ yếu là người Raglai xã Phước Hà, huyện Thuận Nam), các diện tích trồng lương thực nuôi quân thời cách mạng do bỏ lâu năm nên đã tái sinh tre, lồ ô xen với gỗ, do thực hiện chính sách của nhà nước đưa dân về dưới bằng nên bà con không thường xuyên phát dọn, chỉ lên thăm, phát dọn những cây ăn trái còn sót lại. Những diện tích này hiện trạng trên bản đồ đa số là rừng tự nhiên hộ dân đề nghị phải thừa nhận cho họ nên đơn vị rất khó khăn trong việc giải thích cho bà con xã Phước Hà về những diện tích này vì liên quan đến người có công với cách mạng.

Để việc triển khai điều tra nương rẫy xen kẽ trong quy hoạch 3 loại rừng được thống nhất và thuận lợi, đơn vị kiến nghị: Chính quyền địa phương tăng cường phối hợp với đơn vị chủ rừng rà soát trên bản đồ, sau đó cho người dân tự kê khai (theo mẫu do Chi cục Kiểm lâm soạn thảo) sau đó tổng hợp và lập kế hoạch đi kiểm tra thực địa, ghi nhận hiện trạng. Tránh việc người dân lợi dụng lấn chiếm đất rừng (khai báo là rẫy cũ ông bà ngày xưa để lại, nhưng hiện trạng lại có cây rừng tái sinh, đất bở lâu không có dấu hiệu canh tác...)

- Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trong lâm phần quản lý:

Tổng diện tích đã chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình dự án: 199,47 ha. Bao gồm các dự án: Dự án Đường cao tốc Bắc Nam, dự án Đường vận hành Hầm Núi vung, dự án Đường điện 500 Kv Trung Nam, đường điện 500Kv Vân Phong-Vĩnh Tân, đường điện 220 Kv, dự án Khu nông nghiệp công nghệ mới Nhị Hà.

Diện tích bàn giao đất sản xuất nông nghiệp về địa phương quản lý sau quy hoạch 3 loại rừng theo quyết định 199/QĐ-UBND là: 539,85 ha.

- Công tác điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng: Thực hiện thông tư số 33/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT và chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT, hằng năm đơn vị có thực hiện việc theo dõi diễn biến rừng trong lâm phần, đối với các diện tích rừng biến động do chuyển mục đích sử dụng, biến động do trồng rừng...đơn vị lập theo các biểu mẫu của Hạt kiểm lâm huyện Thuận Nam và huyện Ninh Phước và gửi cho Hạt Kiểm lâm để tổng hợp, cập nhật diễn biến rừng theo quy định.

b) Công tác bảo vệ rừng:

- Lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ rừng trực tiếp tại Trạm, chốt là 17 người trong tổng số 27 cán bộ nhân viên. Đối với việc bảo vệ rừng 25.012,74 ha/ 25 Tiểu khu thì lực lượng hiện có của Ban Quản lý rừng PHĐN hồ Tân Giang là còn rất mỏng, được sự quan tâm của Lãnh đạo các cấp đã có các giải pháp Giao khoán bảo vệ rừng cho Lực lượng vũ trang vùng lõi, vùng giáp ranh đã hỗ trợ tích cực cho lực lượng bảo vệ rừng của đơn vị trong việc tuần tra, kiểm tra, trấn áp lâm tặc,... Vì thế trong những năm qua, lực lượng quản lý bảo vệ rừng của Ban quản lý rừng PHĐN hồ Tân Giang đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đã tổ chức tuần tra truy quét bảo vệ rừng theo kế hoạch, thực hiện tốt nội dung phương án phòng cháy chữa cháy rừng đã được duyệt hàng năm, kiểm soát chặt chẽ người ra vào rừng, qua đó ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm luật lâm nghiệp, tình hình cơi nới, lấn chiếm rừng, chặt cây hầm than, khai thác gỗ giảm hẳn.

- Xác định công tác chống phá rừng là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, đơn vị đã chỉ đạo lực lượng bảo vệ rừng các Trạm làm nòng cốt, phối hợp với UBND xã và lực lượng Kiểm Lâm, các tổ chức nhận khoán như Công an, Quân đội và cộng đồng nhận khoán thường xuyên tổ chức các đợt tuần tra, truy quét trên địa bàn quản lý.

- Qua tuần tra, truy quét, lực lượng bảo vệ rừng của đơn vị đã ngăn chặn, lập biên bản ban đầu, biên bản đình chỉ hành vi, bảng cam kết đối với cá nhân, tổ chức có hành vi tác động đến rừng và đất lâm nghiệp. Thông kê trong giai đoạn 2016 -2021, đơn vị đã chuyển cho Hạt Kiểm lâm huyện Ninh Phước và huyện Thuận Nam xử lý vi phạm bao gồm: 178 vụ xử phạt hành chính (177 vụ xử phạt vi phạm quy định về mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép, 01 vụ ủi đường, cải tạo đường mòn đi vào nha máy điện mặt trời Thiên Tân 1.3 hồ Lanh Ra).

- Qua công tác phối kết hợp các lực lượng thường xuyên tổ chức tuần tra truy quét trong lâm phần, bố trí lực lượng đóng quân tại các chốt cửa rừng nên đã kịp thời xử lý được nhiều vụ việc khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép, sự phối hợp trong xử lý các vi phạm tương đối kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật nên tình hình phá rừng hầm than, khai thác, vận chuyển gỗ, lâm sản trong lâm phần đơn vị đã giảm đáng kể.

- Đơn vị tổ chức rà soát ký kết các quy chế phối hợp với các đơn vị chủ rừng giáp ranh: Quy chế phối hợp với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn số 05/QCPH-BQLRTG-CTLNNS ngày 21/01/2021, Quy chế phối hợp với Ban Quản lý rừng PHVB Thuận Nam số 01/QCPH-HTG-PHVBTN ngày 01/3/2022 ; Quy chế phối hợp với Ban Quản lý rừng PHVB Thuận Nam và Ban Quản lý rừng PH Lòng Sông - Đá Bạc huyện Tuy Phong tỉnh Bình Thuận số 01/QCPH-HTG,VBTN, LSĐB ngày 15/01/2021.

c) Công tác Phòng cháy chữa cháy rừng trong giai đoạn 2016-2021:

- Ngay khi bước vào đầu mùa khô, đơn vị đã tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng như: tổ chức thành lập Ban Chỉ huy BVR và PCCCR do lãnh đạo đơn vị làm trưởng ban, tổ chức thành lập các tổ PCCCR; tổ chức sơn, sửa, làm mới các bảng biển tuyên truyền; mua sắm, sửa

chữa dụng cụ, trang thiết bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy; củng cố các tổ đội, quần chúng tham gia chữa cháy rừng, xây dựng lực lượng sẵn sàng huy động chữa cháy rừng; thường xuyên tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân, nhắc nhở, hướng dẫn người dân đốt nương rẫy đúng kỹ thuật, đúng thời điểm.

- Vào những tháng cao điểm của mùa khô, đơn vị đã chỉ đạo lực lượng thường xuyên tuần tra các khu vực rừng trọng điểm dễ cháy, các chòi canh lửa thường xuyên có người canh gác nhằm kịp thời phát hiện sớm điểm cháy để có biện pháp dập tắt kịp thời. Đặc biệt, trong những năm vừa qua phương án PCCCR của đơn vị được các cấp các ngành bố trí nguồn kinh phí đốt chặn trước (có điều khiển) đã phần nào làm giảm vật liệu cháy, giảm đáng kể nguy cơ cháy rừng. Cụ thể kết quả trong những năm qua như sau:

+ Năm 2016, đã phát hiện kịp thời và chữa cháy 05 điểm cháy với diện tích cháy là 0,9 ha, hiện trạng rừng cháy chủ yếu là trảng cỏ khô, cây bụi dưới tán rừng.

+ Năm 2017, đã phát hiện kịp thời và chữa cháy 05 điểm cháy với diện tích cháy là 1,55 ha, hiện trạng rừng cháy chủ yếu là trảng cỏ khô, cây bụi dưới tán rừng.

+ Năm 2018, đã phát hiện kịp thời và chữa cháy 07 điểm cháy với diện tích cháy là 1,3 ha, hiện trạng rừng cháy chủ yếu là trảng cỏ khô, cây bụi dưới tán rừng.

+ Năm 2019 đã phát hiện kịp thời và chữa cháy 05 điểm cháy với diện tích cháy là 0,695 ha, hiện trạng rừng cháy chủ yếu là trảng cỏ khô, tre nứa và cây bụi dưới tán rừng.

+ Năm 2020 đã phát hiện kịp thời và chữa cháy 12 điểm cháy với diện tích cháy là 02 ha, hiện trạng rừng cháy chủ yếu là trảng cỏ khô, tre nứa và cây bụi dưới tán rừng.

+ Năm 2021 không xảy ra cháy rừng.

- Nhờ có sự chuẩn bị tốt trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng và khi có cháy xảy ra người dân nhiệt tình tham gia chữa cháy rừng nên trong các mùa khô năm 2016 - 2021 đa phần các đám cháy xảy ra trong lâm phần đơn vị đã được phát hiện kịp thời và dập tắt đám cháy ngay từ khi mới phát sinh, không để cháy lan, cháy lớn gây thiệt hại nghiêm trọng. Hầu hết diện tích bị cháy xảy ra trong lâm phần đơn vị đều ở hiện trạng rừng Khộp (rừng rụng lá vào mùa khô), thảm thực bì, lá rụng nhiều trong mùa khô, khi gặp thời tiết khô nóng dễ phát sinh cháy cỏ và lá khô lướt qua dưới tán rừng đa phần không làm ảnh hưởng đến cây rừng.

2. Công tác phát triển rừng, sử dụng đất rừng

a Công tác Khoán bảo vệ rừng

- Trong những năm vừa qua, công tác giao khoán bảo vệ rừng luôn được đơn vị quan tâm và tích cực thực hiện, trong đó tập trung, ưu tiên giao khoán đối với cộng đồng người đồng bào dân tộc miền núi sống gần rừng. Tổng diện tích giao khoán bảo vệ rừng cho các đối tượng trong khu vực trong giai đoạn 2016 - 2021 (bao gồm giao mới và chuyển tiếp từng năm): 83.320,2 lượt ha, trong đó:

+ Chương trình mục tiêu: 63.356,2 lượt ha. Cụ thể:

++ Huyện Ninh Phước: 22.590,0 lượt ha.

++ Huyện Thuận Nam: 40.766,2 lượt ha.

+ Dự án Jica: 19.964,0 lượt ha. (Triển khai từ tháng 8/2014 đến tháng 8/2019 kết thúc). Gồm 05 cộng đồng/ 100 hộ dân tham gia thuộc địa bàn xã Phước Hà.

- Với mức trả công nhận khoán từ 200.000 đồng/ha/năm đến 220.000 đồng/ha/năm (dự án Jica) và mức 400.000 đồng/ha/năm (Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững) thì bình quân mỗi hộ nhận khoán bảo vệ rừng trong tổ cộng đồng có thêm thu nhập hơn 1 triệu đồng/tháng.

- Đặc biệt đối với chương trình giao khoán, ngoài việc nhận được tiền trả công nhận khoán bảo vệ rừng hàng tháng, đơn vị đã bàn bạc thống nhất với các hộ nhận khoán và chính quyền địa phương trích lại 60% trong tổng số tiền trả công nhận khoán để tổ cộng đồng (1 tổ có 20 hộ tham gia) mua Bò cái giống phát cho hộ trong tổ để nuôi kinh tế (đơn vị giao kinh phí cho tổ cộng đồng tự lựa chọn và mua giống bò ở địa phương về nuôi). Mô hình được hình thành và triển khai cuối năm 2015 đầu năm 2016. Tính đến thời điểm hiện nay đã có 531 con/19 tổ cộng đồng/415 hộ tham gia. Hỗ trợ vay vốn ngân hàng chính sách xã hội theo Nghị định 75/NĐ-CP được 102 hộ.

- Bên cạnh việc thực hiện Giao khoán bảo vệ rừng, đơn vị còn thực hiện mô hình ống nước tự chảy 1.500 m tưới cho 100 ha rẫy Điều thiếu nước tại xã Phước Thái. Việc lắp đặt hệ thống nước tự chảy đã mang lại nhiều lợi ích cho người dân, giúp người dân yên tâm canh tác, bám đất.

- Việc giao khoán bảo vệ rừng cho các hộ dân, cộng đồng, đơn vị lực lượng vũ trang giai đoạn 2016 - 2021 đã mang lại hiệu quả cụ thể như sau:

+ Theo đánh giá của đơn vị và UBND xã Phước Hà, với cách thức thực hiện giao khoán bảo vệ rừng kết hợp với sinh kế chăn nuôi bò đã giúp người dân trong tổ cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng rất háng hái tham gia bảo vệ rừng, chăm sóc tốt bò nhận được từ nguồn kinh phí dự án. Thông qua việc nhận khoán bảo vệ rừng đã từng bước nâng cao ý thức bảo vệ rừng đối với cộng đồng người đồng bào dân tộc miền núi sống gần rừng, giúp họ cải thiện thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống, gắn bó thêm vào nghề giữ rừng.

+ Thông qua chương trình giao khoán theo kế hoạch hằng năm, đơn vị đã thiết kế, thực hiện giao khoán rừng cho các tổ cộng đồng người đồng bào dân tộc miền núi nhận bảo vệ, qua đó các hành vi phá rừng đều được phát hiện, ngăn

chặn và xử lý kịp thời, do đó những năm gần đây đã hạn chế đáng kể nạn phá rừng và cháy rừng xảy ra trong lâm phần đơn vị. Đồng thời thông qua việc giao khoán đã từng bước góp phần giải quyết việc làm, tạo sinh kế bền vững thông qua mô hình sử dụng kinh phí để mua bò sinh sản góp phần xóa đói giảm nghèo và góp phần xây dựng nông thôn mới ở các xã miền núi trong lâm phần đơn vị quản lý.

+ Thời gian chưa giao khoán bảo vệ rừng cho hộ dân cộng đồng và đơn vị lực lượng vũ trang thì tình hình cháy rừng, chống phá rừng thường xuyên diễn ra phức tạp. Sau khi giao khoán cho cộng đồng, lực lượng vũ trang thì tình trạng này đã giảm hẳn. Đạt được kết quả như trên là do trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tuần tra có sắc phục Công an, Bộ đội phổi hợp dẫn đến công tác tuyên truyền, vận động bà con thuận lợi hơn, đặc biệt xung đột bạo lực giữa đối tượng phá rừng với lực lượng bảo vệ rừng giảm đi đáng kể. Vì vậy, việc giao khoán cho lực lượng vũ trang những vùng giáp ranh, phức tạp, nhiều điểm nóng là điều cần thiết vừa nâng cao hiệu quả công tác phòng cháy bảo vệ rừng, hỗ trợ cho lực lượng bảo vệ rừng yên tâm công tác, mạnh dạn hơn trước những đối tượng nguy hiểm.

- Tổng kinh phí thực hiện công tác Khoán bảo vệ rừng giai đoạn 2016 - 2021 là: 21.586,2 triệu đồng. Trong đó: Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững là 17.147,4 triệu đồng; Dự án Jica là 4.438,8 triệu đồng.

b) Công tác Trồng rừng và chăm sóc rừng

Trồng rừng

- Thống kê diện tích trồng mới rừng phòng hộ trong giai đoạn 2016-2021: 554,8 ha; loài cây trồng Trôm, Neem, Điều, Thanh Thất; phương thức trồng: Trồng thuần loài, trồng hỗn giao.

Trong đó:

+ Trồng mới rừng phòng hộ theo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững: 188,24 ha.

+ Trồng mới rừng phòng hộ theo dự án JICA: 366,6 ha.

- Thông qua công tác trồng rừng, những năm qua tại đơn vị đã phần nào phủ xanh các diện tích đất trống, nương rẫy bạc màu, bỏ hoang lâu năm, góp phần tăng độ che phủ của rừng, tạo sinh kế bền vững cho người dân từ việc trồng rừng, góp phần giải quyết việc làm cho lao động nhàn rỗi tại các xã miền núi trong lâm phần. Bình quân trong mùa trồng rừng một ngày công lao động tham gia trồng rừng nhận được 170.000 - 190.000 đồng/ngày, tham gia bảo vệ rừng trồng nhận được 1 triệu đồng/năm từ đó tạo thêm thu nhập cho người tham gia trồng rừng nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số sống gần rừng.

- Tổng kinh phí trồng rừng phòng hộ giai đoạn 2016 -2021 là 13.384,70 triệu đồng. Trong đó:

- + Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững: 4.077,5 triệu đồng;
- + Dự án Jica: 9.307,2 triệu đồng.

Chăm sóc rừng:

- Chăm sóc rừng trồng là công tác quan trọng hàng năm trong quy trình trồng rừng có tác dụng đảm bảo cho rừng sinh trưởng, phát triển, có khả năng chống chịu với các điều kiện bất lợi trong thời gian kiến thiết cơ bản, đạt mật độ đúng quy định khi rừng khép tán, trên cơ sở diện tích rừng trồng các năm trước, cán bộ kỹ thuật đơn vị tiến hành kiểm tra tình hình sinh trưởng của rừng, xác định tỷ lệ sống, mật độ còn lại để lập kế hoạch chăm sóc, đồng thời chuẩn bị đầy đủ cây con để trồng dặm, khâu chăm sóc được đơn vị tạo điều kiện cho hộ dân làm để kiềm thêm thu nhập.

- Trong giai đoạn 2016 - 2021, đơn vị đã chăm sóc rừng trồng với tổng diện tích là: 1.551,8 lượt ha. Trong đó:

- + Chương trình mục tiêu: 207,48 lượt ha.
- + Dự án Jica: 1.344,3 lượt ha

Trồng mới rừng sản xuất

Kết quả thực hiện trồng rừng hỗ trợ sản xuất giai đoạn 2016-2021 là 45 ha. Loài cây trồng: Keo lá tràm. Đến nay một số hộ tham gia trồng đã thu hoạch. Về cơ bản cây keo sau khi trồng có sinh trưởng và phát triển, đạt các chỉ tiêu về đường kính và chiều cao trong những năm đầu.

Tổng kinh phí cho công tác trồng rừng sản xuất là 188,7 triệu đồng.

Trồng rừng thay thế

- Giai đoạn 2016 - 2021, đơn vị đã trồng được 32 ha rừng trồng thay thế (trong đó: Năm 2020: 29 ha; năm 2021: 03 ha), với tổng kinh phí là 1.285,4 triệu đồng. Hiện nay rừng sinh trưởng và phát triển tốt, đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản.

- Việc trồng rừng thay thế không những góp phần phát triển lâm nghiệp bền vững, nâng cao độ che phủ rừng, bù đắp lại diện tích rừng đã bị chuyển đổi mà còn nâng cao nhận thức của người dân trong việc trồng cây gây rừng, góp phần giải quyết việc làm cho lao động địa phương. Với quyết tâm khôi phục rừng trên các diện tích đất trống, đơn vị nghiên cứu thiết kế loài cây bản địa, trồng đa loài cây, nhiều tầng tán, cây phù hợp với thổ nhưỡng để đảm bảo sau chu kì đầu tư rừng trồng đạt độ che phủ theo quy định.

Công tác khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh rừng

- Diện tích được đưa vào khoanh nuôi xúc tiến tái sinh trogn giai đoạn 2016 - 2021 là 3.245,0 lượt ha; loại đất trồng được áp dụng: đất trồng có cây gỗ tái sinh rải rác (DT2, Ib, Ic, RI); biện pháp kỹ thuật được áp dụng: khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung cây lâm nghiệp. Trong đó:

- + Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có tác động: 1.720,0 lượt ha.
- + Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh không tác động: 1.525,0 lượt ha.
- Tổng kinh phí để thực hiện công tác khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng là 4.006,9 triệu đồng.

Trồng cây phân tán

Ngoài công tác trồng rừng phòng hộ, trồng rừng hỗ trợ sản xuất đơn vị còn được giao chỉ tiêu gieo ươm cây giống hỗ trợ trồng phân tán trong nhân dân để hỗ trợ cho các đơn vị, các hộ dân của các xã trên địa bàn huyện Ninh Phước và Thuận Nam, nhằm tạo bóng mát cho công sở, khu dân cư. Trong thời gian qua, đơn vị đã trồng được 124.490 cây phân tán với tổng kinh phí là 534,5 triệu đồng.

3. Tỷ lệ che phủ

Năm 2016, tỷ lệ che phủ rừng trong lâm phần đơn vị quản lý là 85,4% (đất có rừng là 21.798,40 ha/tổng diện tích rừng 25.503,31 ha) đến thời điểm năm 2021, độ che phủ rừng là 92,4%, tăng 7,0 % tương đương phục hồi được 1.313,78 ha thành rừng. Để đạt được tỷ lệ che phủ này, đơn vị đã tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, nhiều vụ việc vi phạm đã được phát hiện, xử lý kịp thời. Cùng với đó, đơn vị đã tăng cường công tác trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và chăm sóc rừng trồng để góp phần nâng cao độ che phủ rừng.

4. Công tác khác

- Đã hoàn thiện Phương án quản lý rừng bền vững của Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn hồ Tân Giang đến năm 2030 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 31/12/2020.

IV. Đánh giá chung

1. Những kết quả đạt được

Trong giai đoạn năm 2016 - 2021 về cơ bản các chỉ tiêu nhiệm vụ bảo vệ rừng và phát triển rừng đơn vị đã thực hiện đạt kế hoạch đề ra. Cụ thể:

- Đã bảo vệ và quản lý chặt chẽ diện tích rừng và đất lâm nghiệp được giao quản lý. Ngăn chặn các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng phòng hộ đầu nguồn, góp phần đáp ứng các yêu cầu về giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; Bảo tồn, phát triển, giám sát đa dạng sinh học (động vật, thực vật, hệ sinh thái) có trong Ban quản lý.

- Công tác bảo vệ rừng được duy trì ổn định, đơn vị đã chỉ đạo lực lượng bảo vệ rừng làm nòng cốt, phối kết hợp các lực lượng quyết liệt thực hiện nhiều biện pháp chống phá rừng, thường xuyên tổ chức tuần tra truy quét trong lâm phần, bố trí lực lượng đóng quân tại các chốt cửa rừng nên trong thời gian qua đã

kịp thời xử lý, triệt phá được nhiều vụ việc khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép nên tình hình phá rừng hàm than, khai thác, vận chuyển gỗ, lâm sản trong lâm phần đơn vị đã giảm đáng kể so với giai đoạn 2011 - 2015.

- Công tác phòng cháy chữa cháy rừng: Nhờ có sự chuẩn bị tốt và thực hiện ngay các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng khi bước vào đầu mùa khô nên trong mùa khô đa phần các đám cháy xảy ra trong lâm phần đơn vị đã được phát hiện kịp thời và dập tắt đám cháy ngay từ khi mới phát sinh, không để cháy lan, cháy lớn gây thiệt hại nghiêm trọng đến cây rừng.

- Công tác phát triển rừng: Trong những năm qua, tranh thủ nguồn lực đầu tư của nhà nước trong công tác phát triển rừng, đơn vị đã tổ chức triển khai trồng rừng phủ xanh các diện tích đất trống, nương rẫy bạc màu, bờ hoang lâu năm, tạo sinh kế bền vững cho người dân từ việc trồng rừng phòng hộ bằng loài cây Trôm, cây Điều, kết hợp với cây ăn trái, góp phần giải quyết việc làm cho lao động nhàn rỗi tại các xã miền núi trong lâm phần; đồng thời góp phần tăng độ che phủ của rừng, bảo vệ môi trường. Trong giai đoạn 2016 - 2021, đơn vị đã trồng được 554,87 ha rừng trống. Đến nay, cây sinh trưởng và phát triển tốt. Hàng năm cây đều ra bông, kết trái, giúp người dân có thêm thu nhập để trang trải cuộc sống. Đây là cơ sở để người dân canh tác, sản xuất nông lâm kết hợp bền vững trên những mảnh đất rẫy xen trong rừng. Cụ thể:

+ Dự án Jica: 366,6 ha. Loài cây được lựa chọn để trồng là Trôm, Điều, Thanh thất, Bưởi, được trồng tại xã Phước Thái và Phước Hà.

+ Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững: 188,24 ha. Loài cây trồng rừng là Điều và Thanh Thất, được trồng tại xã Phước Hà, Phước Thái.

- Công tác sinh kế: Việc thực hiện mô hình sinh kế từ kinh phí giao khoán bảo vệ rừng đã tác động tích cực đến người dân vùng núi, có sức lan tỏa lớn, tác động đến ý thức của người dân, các hộ tham gia bảo vệ rừng tích cực tuyên truyền cho người thân bỏ hẳn việc phá rừng, không tham gia mua bán vận chuyển lâm sản trái phép. Bên cạnh đó đã giúp các hộ dân có thêm nguồn lực, vốn từ những con bò được chăm sóc tốt để có tiền cho con ăn học, mua xe, sửa nhà cải thiện cuộc sống, giảm nghèo.

- Hỗ trợ cho vay vốn chính sách xã hội theo Nghị định 75/NĐ-CP:

+ Giai đoạn 2016-2021, đơn vị đã phối hợp với UBND xã Phước Hà, UBND xã Phước Vinh, UBND xã Phước Thái và Ngân hàng chính sách xã hội hỗ trợ, tạo điều kiện cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng thuộc đối tượng nghèo và cận nghèo tiếp cận vay vốn chính sách xã hội theo Nghị định 75/NĐ-CP.

+ Kết quả thực hiện: 102 hộ nghèo và cận nghèo nhận khoán bảo vệ rừng được Ngân hàng chính sách xã hội giải ngân vốn vay, trong đó:

++ Xã Phước Hà, huyện Thuận Nam có 60 hộ nghèo và cận nghèo với số tiền được giải ngân là 03 tỷ đồng.

-- Xã Phước Thái có 26 hộ, xã Phước Vinh có 16 hộ với số tiền được giải ngân là 2,1 tỷ đồng.

- Tỷ lệ che phủ rừng: Những năm vừa qua, đơn vị đã có nhiều nỗ lực trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng qua đó, duy trì, bảo vệ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh thành rừng đối với các trạng thái đất trồng có cây gỗ tái sinh, và tích cực trồng rừng che phủ đất, góp phần gia tăng độ che phủ rừng chung trên địa bàn tỉnh.

2. Những tồn tại, hạn chế

- Mặc dù đã triển khai quyết liệt công tác chống phá rừng, tuy nhiên một số điểm khu vực giáp ranh vẫn còn tình trạng người dân lén lút vào rừng săn bắn thú, khai thác gỗ trái phép, hầm than nguyên nhân một phần do người dân thiếu đất sản xuất (một số diện tích đất đã được thu hồi làm các dự án), một phần do tập quán canh tác lạc hậu, thiếu đói thường xảy ra trong mùa khô hạn.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức trong cộng đồng về chấp hành pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp chưa phát huy hiệu quả, phương pháp tuyên truyền tuy đã cải thiện nhưng so với thời đại bùng nổ công nghệ thông tin và mạng xã hội thì nội dung chưa phong phú, đa dạng, chưa thu hút; các hoạt động truyền tuyên về công tác QLBVR và PCCCR tuy đã được triển khai nhưng sức lan tỏa chưa lớn.

- Cơ sở vật chất phục vụ đời sống cho lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ rừng tuy đã được trang bị nhưng còn nhiều thiếu thốn (Trạm Trà Nô, Trạm Tân Giang chưa có nước sạch hợp vệ sinh). Các Chốt cửa rừng (Chốt Giếng Trắc, chốt Anh Dũng, Chốt Lanh Ra) là các nhà tiền chế, nước uống, điện sinh hoạt còn nhiều thiếu thốn, nhưng nhiệm vụ phải túc trực 24/24 giờ để bảo vệ chặt chẽ tại các điểm cửa ngõ ra vào rừng.

- Lâm tặc ngày càng hoạt động tinh vi, liều lĩnh, săn sàng chống trả cướp lại tang vật khi cần thiết, gây nhiều khó khăn cho lực lượng bảo vệ rừng trong quá trình thực hiện tuần tra, truy quét và ngăn chặn vi phạm. Tình trạng đe dọa, chống người thi hành công vụ vẫn còn diễn ra và có chiều hướng gia tăng về số vụ và mức độ nguy hại.

- Đời sống người dân vùng núi còn nghèo, sản xuất nông nghiệp bấp bênh, mất mùa, thiếu đói hàng năm, áp lực gia tăng dân số, diện tích đất bị thu hồi làm các dự án là những nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng đến công tác bảo vệ và phát triển rừng những năm qua.

- Thời gian dịch bệnh Covid-19 xảy ra và diễn biến phức tạp, đơn vị vừa phải thực hiện Chỉ thị 16 về phòng chống Covid-19 vừa phải ngày đêm túc trực, làm nhiệm vụ bảo vệ rừng. Đa số người dân bị thất nghiệp, không có nguồn để trang trải cuộc sống nên đã lâm vào tình cảnh lén lút vào rừng để kiếm sinh nhai khiến cho công tác quản lý, bảo vệ rừng của Ban càng trở nên khó khăn.

- Thời tiết của tỉnh quá khắc nghiệt, hạn hán kéo dài thường xuyên, đát đai xấu đã làm cho công tác trồng rừng và hỗ trợ trồng rừng những loài cây có giá trị kinh tế trên đất của hộ dân gặp rất nhiều khó khăn.

V. Giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo

1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng

Công tác bảo vệ rừng là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt của đơn vị; đây là nhiệm vụ rất quan trọng nó chi phối toàn bộ công tác đầu tư và phát triển, quyết định sự thành bại của việc xây dựng rừng, bảo vệ rừng.

- Phối hợp cùng kiểm lâm 02 huyện Ninh Phước và Thuận Nam, vận động tuyên truyền nhân dân trong lâm phần đơn vị quản lý thực hiện các chính sách, Nghị định của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý bảo vệ rừng. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ diện tích rừng hiện có, tuyên truyền vận động quần chúng tham gia bảo vệ, xây dựng các mô hình điểm về quản lý bảo vệ rừng tại cộng đồng địa phương.

- Tuyên truyền về PCCCR cho mọi người sống trong và ven lâm phần đơn vị quản lý được giáo dục cơ bản về PCCCR; lập kế hoạch tổ chức triển khai tổ chức họp dân tuyên truyền tại các thôn theo phuong án hàng năm đã được phê duyệt; tăng cường vai trò của Ban trong việc giám sát, tổ chức công tác PCCCR và vận động các hộ đồng bào dân tộc ít người định canh không chặt đốt than, phát rừng làm nương rẫy, tổ chức các lực lượng sung kích, tổ đội, nhân dân tham gia chữa cháy rừng.

- Củng cố lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, tăng cường bảo vệ ở các khu vực trọng điểm, trang bị công cụ hỗ trợ, phương tiện làm việc và có chế độ ưu đãi cho lực lượng này. Phối hợp chính quyền địa phương và lực lượng kiểm lâm 02 huyện truy quét và xử lý các trường hợp vi phạm.

2. Công tác phát triển rừng

- Vận động nhân dân trong lâm phần đơn vị quản lý trồng mới và chăm sóc rừng hàng năm, do điều kiện đất đai trong vùng dự án khô cằn, khí hậu nóng, thường bị hạn hán nên việc chọn giống cây trồng thích hợp cho từng vùng là rất cần thiết.

- Xác định cơ cấu cây trồng hợp lý, mật độ trồng, công thức trồng, phương pháp trồng, phương pháp làm đất, thời gian trồng và các yếu tố cần thiết khác phục vụ cho công tác trồng rừng theo quy trình kỹ thuật, đảm bảo tính khoa học và thực tiễn, trồng đi đôi với khâu chăm sóc, bảo vệ sau khi trồng. Cử cán bộ kỹ thuật trực tiếp, bám sát địa bàn trong suốt thời gian trồng rừng.

3. Triển khai thực hiện các hoạt động quản lý bảo vệ rừng theo Phương án Quản lý rừng bền vững Ban Quản lý rừng PHDN hồ Tân Giang đến năm 2030 đã được phê duyệt. Trong đó ưu tiên các hoạt động đầu tư cho công tác quản lý bảo

vệ rừng, phát triển rừng, điều tra, giám sát đa dạng sinh học, du lịch sinh thái trong rừng phòng hộ, nâng cao năng lực cho lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách.

4. Triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, Kế hoạch đầu tư công trung hạn, Đề án 01 tỷ cây xanh.

IV. Kiến nghị, đề xuất:

- Kiến nghị Đoàn giám sát HĐND tỉnh xem xét có ý kiến với UBND tỉnh phê duyệt và chỉ đạo sớm triển khai đề án kiểm kê nương rẫy để quản lý tốt diện tích rừng hiện có, giáp ranh với rẫy dân và đề án Nâng cao năng lực cho lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh, đề án này được triển khai sẽ động viên tinh thần cho lực lượng, làm cơ sở để các đơn vị chủ rừng hỗ trợ chế độ, trang bị, chăm lo cho lực lượng bảo vệ rừng để trở thành lực lượng mạnh, làm cho lực lượng yên tâm công tác, bám dân, bám rừng.

- Kiến nghị Đoàn giám sát HĐND tỉnh xem xét có ý kiến với UBND tỉnh về việc cấp suất đầu tư cho công tác Giao khoán bảo vệ rừng đối với khu vực I và khu vực III là bằng nhau (400.000 đồng/ha). Vì khu vực I gồm các thôn Liên Sơn 1, Liên Sơn 2, Tà Dương đều thuộc khu vực rất khó khăn, đa phần dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực này.

- Về chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, viên chức Ban quản lý rừng PHDN hồ Tân Giang: Thời gian qua, một số viên chức của đơn vị đã tự học nâng cao trình độ từ Trung cấp lên Đại học và đã công tác trên 05 năm nhưng chưa được chuyển ngạch, vẫn còn hưởng lương Trung cấp, khá thiệt thòi cho nhân viên và khiến cho một số cán bộ, nhân viên cảm thấy chán nản, dẫn tới việc bỏ nghề. Rất mong Hội đồng xem xét tổ chức xét chuyển ngạch để viên chức được làm việc và hưởng lương theo đúng trình độ, nhằm ổn định cuộc sống để an tâm hơn trong công tác.

- Kiến nghị Đoàn giám sát HĐND tỉnh xem xét có ý kiến với UBND tỉnh xem xét giải quyết, hỗ trợ thêm các chế độ cho lực lượng bảo vệ rừng của các Ban quản lý rừng. Lực lượng Bảo vệ rừng chuyên trách của Ban Quản lý rừng PHDN hồ Tân Giang trong thời gian qua ngoài lương và các khoản phụ cấp, không có khoản thu nhập nào khác, quá thấp so với mặt bằng chung, không đủ tái tạo lại sức lao động (vì lực lượng phải thường xuyên có mặt tại Trạm, Chốt 24/24 giờ/5 ngày/tuần để làm nhiệm vụ. Mỗi chuyến đi tuần tra, kiểm tra, truy quét trên rừng thường là từ 2 ngày trở lên). Trong khi đó nghề lâm nghiệp là nghề vất vả, đi bộ tuần tra sâu vào rừng thường đối mặt với nguy hiểm, độc hại, sốt rét,...về lâu dài ảnh hưởng đến sức khỏe, khả năng lao động. Từ những sự quan tâm, ưu đãi này sẽ làm động lực cho lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách an tâm công tác, bám rừng, bám dân, triển khai nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước vào cuộc sống. (đơn vị được biết đơn vị bạn như Ban quản lý rừng phòng hộ Lòng Sông Đá Bạc tỉnh Bình Thuận thì lực lượng bảo vệ

rừng chuyên trách được hỗ trợ chế độ đặc thù thêm 20% từ nguồn ngân sách địa phương).

(Kèm theo phụ biểu báo cáo)

Trên đây là báo cáo kết quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 -2021 của Ban Quản lý rừng PHDN hồ Tân Giang, kính trình Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, Chi cục Kiểm lâm, UBND huyện Thuận Nam, UBND huyện Ninh Phước, xem xét, tiếp tục chỉ đạo./.

Noi nhận:

- Đoàn giám sát HĐND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Chi cục Kiểm lâm;
- UBND huyện Thuận Nam;
- UBND huyện Ninh Phước;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, KTh. THT



TRƯỞNG BAN

Lê Minh Hiền



Phiếu 01: Công tác tuyên truyền giai đoạn 2016 - 2021

TT	Nội dung	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng
1	Tuyên truyền bằng xe lưu động	Đợt							
2	Diễn tập PCCCR cấp tỉnh	Đợt							
3	Diễn tập PCCCR cấp huyện	Đợt							
4	Vận động hộ ký cam kết	Hộ	320	273	273	963	458	458	2.745
5	Họp dân tuyên truyền	Đợt	20	20	10	10	10	10	80
6	Lượt người họp tuyên truyền	Lượt người	920	963	526	963	458	458	4.288
7	Hội thi tuyên truyền cấp tỉnh	HT							
8	Hội thi tuyên truyền cấp huyện	HT							
9	Hội thi tuyên truyền cấp xã	HT							



Phiếu 02: Số vụ cháy rừng từ 2016 - 2021

Mùa khô	Diện tích cháy (ha)	Số vụ cháy được cứu chữa	Số người tham gia chữa cháy	Mức độ thiệt hại
2016	5	0,9	5	128 cháy dưới tán
2017	5	1,55	5	76 cháy dưới tán
2018	7	1,3	7	76 cháy dưới tán
2019	5	0,695	5	88 cháy dưới tán
2020	12	2	12	117 cháy dưới tán
2021	không	không	không	không
Tổng	34	6,445	34	485



Phụ biểu 03: Kết quả các vụ vi phạm QLBVR từ 2016-2021



Phụ biếu 04: Kết quả xử lý vi phạm từ năm 2016-2021

Hạng mục	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng
đã xử lý (vụ)	51	47	47	12	10	10	177
3. Thu nộp ngân sách							
- Xe máy kéo (chiếc)	4						
- Xe máy (chiếc)	47	65	31	8	9	10	170
- Phương tiện khác (chiếc)							
- Gỗ tròn (m3)							
- Gỗ xe (m3)	16,68	4,385	2,58	0,123	0,321	1,54	25,692
- Giá trị LS ngoài gỗ (1.000 đồng)							
3. Thu nộp ngân sách (1.000 đồng)							



Phụ biếu 05: Kết quả thực hiện phát triển rừng giai đoạn 2016-2021

Hạng mục	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Phân theo năm thực hiện					
				2016	2017	2018	2019	2020	2021
1 Khoán bảo vệ rừng	lượt ha	83.320,2	83.320,2	12.709,6	14.209,6	13.940	20.131	15.140	7.190
- Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	lượt ha	63.356,2	63.356,2	7.718,6	9.218,6	8.949	15.140	15.140	7.190
- Dự án JICA	lượt ha	19.964,0	19.964,0	4.991	4.991	4.991	4.991		
2 Trồng rừng mới									
2.1 Trồng và chăm sóc năm 1 rừng PH	ha	556,7	554,8	107,6	277,2	20,0		100,0	50,0
- Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	ha	190,1	188,24	9,34	8,9	20,0		100,0	50,0
- Dự án JICA	ha	366,6	366,6	98,3	268,3				
2.2 Trồng mới rừng sản xuất	ha	45,0	45	45					
2.3 Trồng rừng thay thế	ha	32,0	32,0					29,0	3,0
3 Chăm sóc rừng	lượt ha	1.551,8	1.551,8	95,5	201,0	442,5	395,5	297,2	120,0
- Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	lượt ha	207,48	207,48	2,1	9,34	18,24	28,9	28,9	120
- Dự án JICA	lượt ha	1.344,3	1.344,3	93,4	191,7	424,3	366,6	268,3	
4 Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh	lượt ha	3.245,0	3.245,0	508,5	508,5	958	450	450	370
- Có tác động	lượt ha	1.720,0	1.720,0			450	450	450	370
- Không tác động	lượt ha	1.525,0	1.525,0	508,5	508,5	508,0			
5 Trồng cây phân tán	cây	124.490	124.490	35.000				67.500	21.990



Phụ kiện 06: Phân bổ vốn thực hiện phát triển rừng giai đoạn 2016-2021

ĐVT: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Tổng cộng	Phân theo năm thực hiện					
			2016	2017	2018	2019	2020	2021
	Tổng cộng	46.966,30	5.598,30	11.020,50	8.886,80	6.631,70	9.871,10	4.957,90
1	Khoán bảo vệ rừng	21.586,20	2.649,30	2.762,60	4.320,20	4.859,60	5.541,00	1.453,50
-	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	17.147,40	1.438,70	1.552,00	3.109,60	4.052,60	5.541,00	1.453,50
-	Dự án JICA	4.438,80	1.210,60	1.210,60	1.210,60	807,00		
2	Trồng rừng mới	14.858,80	2.405,20	7.417,70	398,70		3.152,20	1.485,00
2.1	Trồng và chăm sóc năm 1 rừng PH	13.384,70	2.216,50	7.417,70	398,70		2.000,00	1.351,80
-	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	4.077,50	186,80	140,20	398,70		2.000,00	1.351,80
-	Dự án JICA	9.307,20	2.029,70	7.277,50				
2.2	Trồng mới rừng sản xuất	188,70	188,70					
2.3	Trồng rừng thay thế	1.285,40					1.152,20	133,20
3	Chăm sóc rừng	5.979,90	362,70	755,40	2.548,00	1.169,10	464,50	680,20
-	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	1.038,40	4,20	62,90	80,60	146,50	64,00	680,20
-	Dự án JICA	4.941,50	358,50	692,50	2.467,40	1.022,60	400,50	
4	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh	4.006,90	101,70	84,80	1.619,90	603,00	375,90	1.221,60
-	Có tác động	3.617,20			1.416,70	603,00	375,90	1.221,60
-	Không tác động	389,70	101,70	84,80	203,20			
5	Trồng cây phân tán	534,50	79,40				337,50	117,60



Biểu 07: Tổng hợp diễn biến rừng và đất lâm nghiệp từ năm 2016 - 2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

Phân loại rừng	Diện tích đầu kỳ (ha)	Diện tích thay đổi (ha) (tăng (+), giảm (-))	Diện tích cuối kỳ (ha)	Quy hoạch 3 loại rừng (ha)				Ngoài quy hoạch (ha)	Độ che phủ (%)	Quyết định công bố hiện trạng rừng của Bộ NN&PTNT
				Công	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất			
Tổng diện tích tự nhiên									92,4	
	Tổng rừng và đất lâm nghiệp	25.503,31	-490,57	25.012,74	25.012,74		23.071,38	1.941,36		
	A. Đất có rừng	21.798,40	1.313,78	23.112,18	23.112,18		21.879,90	1.232,28		
	I. Rừng tự nhiên	21.449,56	838,27	22.287,83	22.287,83		21.147,47	1.140,36		
	II. Rừng trống	348,84	475,51	824,35	824,35		732,43	91,92		
	1. Rừng trống có trữ lượng	87,75	448,78	536,53	536,53		535,53	1		
	2. Rừng trống chưa có trữ lượng	261,09	26,73	287,82	287,82		196,9	90,92		
	B. Đất chưa có rừng	3.704,61	-1.804,05	1.900,56	1.900,56		1.191,48	709,08		



bí số 08: Công trình, Dự án đã được cấp thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác giai đoạn 2016 - 2021

Số thứ tự	Tên dự án	Tổng diện tích	Diện tích CMDSDR (ha)						Văn bản cấp thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
			Rừng phòng hộ			Rừng sản xuất			
			Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Đất chưa có rừng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Đất chưa có rừng	Quy hoạch đưa ra ngoài 3LR
	Tổng I+II-III	490,57							
I	Công trình, dự án phát triển KT-XH	199,47							
1	Dự án Khu Nông nghiệp công nghệ mới Nhị Hà	162,41				2,99			159,42 QĐ 138/QĐ-UBND ngày 21/5/2014 UBND tỉnh; QĐ 368/QĐ-UBND ngày 22/10/2018; QĐ 266/QĐ-UBND ngày 08/7/2019; QĐ 199/QĐ-UBND ngày 26/6/2020
2	Dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam đoạn Cam Lâm Vĩnh Hảo, đoạn qua huyện Thuận Nam	26,84	19,73	2,7		2,87	0,28		1,26 QĐ số 137/QĐ-UBND ngày 04/5/2020
3	Dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam đoạn Cam Lâm Vĩnh Hảo, đoạn qua huyện Ninh Phước	5,69				1,16	1,57		2,96 QĐ số 137/QĐ-UBND ngày 04/5/2020
4	Đường vận hành phía Bắc hầm Núi Vung	3,66	1,67	1,15					0,84 QĐ số 214/QĐ-UBND ngày 23/7/2020
5	Đường dây 500kv, 220 kv Trung Nam	0,5316				0,5316			QĐ số 215/QĐ-UBND ngày 12/5/2021
6	Đường Dây 220 kv Hacom Solar	0,01045			0,01045				QĐ số 64/QĐ-UBND ngày 23/3/2020; Quyết định thu hồi đất số 65/QĐ-UBND ngày 23/3/2020
7	Nhà máy ĐMT kết hợp TBA 500kv và đường dây 500kv, 220kv Trung Nam Thuận Nam	0,328				0,328			QĐ số 285/QĐ-UBND ngày 01/10/2020
II	Bàn giao đất SXNN về cho địa phương quản lý	539,85							
8	Bàn giao đất nông nghiệp về cho chính quyền địa phương xã Nhị Hà, Phước Hà, Phước Hữu đợt 1	240,35			0,46		239,89		QĐ số 276/QĐ-UBND ngày 16/7/2019
9	Bàn giao đất nông nghiệp về cho chính quyền địa phương xã Nhị Hà, Phước Hà, Phước Hữu đợt 2	222,35						222,35 BB bàn giao thực địa diện tích QHĐR 03 loại rừng để sxnn ngày 24/6/2021; 24/3/2021; 25/3/2021	
10	Thu hồi đất sau thanh tra, giao địa phương quản lý	77,15						77,15 QĐ 386/QĐ-UBND 21/11/2017	
III	Chuyển đổi chủ thể quản lý trong QH3LR	248,75			248,75				
11	Chuyển từ UBND xã Phước Thái qua Ban quản lý rừng PHDN hồ Tân Giang quản lý	248,75			248,75				QĐ 241/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 UBND tỉnh